

Số: 480 /QĐ- HĐQT-TDHo

Hà Nội, ngày 23 tháng 4 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

“v/v Quy định chính sách cho vay ưu đãi lãi suất theo chương trình hỗ trợ
các huyện nghèo tại Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP”

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam ban hành tại Quyết định số 117/QĐ-HĐQT-NHNN ngày 03/6/2002 của Hội đồng quản trị Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam đã được Thông đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chuẩn y tại Quyết định số 571/QĐ-NHNN ngày 05/6/2002;
- Căn cứ Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ về chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo;
- Căn cứ Thông tư 06/2009/TT-NHNN ngày 09/4/2009 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc Quy định chi tiết về chính sách cho vay ưu đãi lãi suất theo Chương trình hỗ trợ các huyện nghèo tại Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ
- Theo đề nghị của Tổng giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chính sách cho vay ưu đãi lãi suất theo Chương trình hỗ trợ các huyện nghèo tại Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ trong hệ thống Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 09/4/2009.

Điều 3: Tổng giám đốc, Chánh văn phòng, Trưởng các Ban (Phòng) tại Trụ sở chính, Trưởng Văn phòng đại diện, Giám đốc Sở giao dịch, Chi nhánh loại 1, loại 2, Trung tâm, đơn vị sự nghiệp và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- NHNN (để báo cáo);
- Như Điều 3;
- Lưu: VP, PC, TDHo, CV.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Đỗ Tất Ngọc

QUY ĐỊNH

chính sách cho vay ưu đãi lãi suất theo Chương trình hỗ trợ các huyện nghèo tại Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 480/QĐ-HĐQT-TDHo
ngày 23/4/2009 của Hội đồng quản trị Ngân hàng Nông nghiệp
và Phát triển Nông thôn Việt Nam)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Qui định này hướng dẫn thực hiện một số chính sách tín dụng ưu đãi hỗ trợ trồng rừng sản xuất, phát triển sản xuất nông nghiệp, đầu tư cơ sở chế biến, bảo quản và tiêu thụ nông sản, phát triển chăn nuôi, nuôi trồng thuỷ sản, ngành nghề tiểu thủ công nghiệp theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo.

2. Qui định này áp dụng cho các khoản vay của các đối tượng khách hàng trên địa bàn 61 huyện nghèo vay vốn bằng đồng Việt Nam (VNĐ) tại các chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam. Đối với các khoản vay thuộc đối tượng áp dụng hỗ trợ lãi suất không trả nợ đúng hạn, bị chuyển sang nợ quá hạn thì không được áp dụng hỗ trợ lãi suất kể từ ngày khoản vay chuyển sang nợ quá hạn.

3. Các đối tượng khách hàng được hưởng các chính sách ưu đãi lãi suất quy định trong Qui định này bao gồm: Các hộ nghèo, các hộ sản xuất kinh doanh, các doanh nghiệp, hợp tác xã, các chủ trang trại đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh trên địa bàn 61 huyện nghèo (danh sách đính kèm Qui định này).

4. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam thực hiện cho vay đối với các đối tượng được hưởng chính sách ưu đãi lãi suất theo quy định tại Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ với mức lãi suất cho vay thấp nhất áp dụng cho các khoản vay vốn trong cùng kỳ.

Điều 2. Chính sách cho vay ưu đãi lãi suất đối với khách hàng vay vốn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam.

1. Các hộ nghèo khi vay vốn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam để trồng rừng sản xuất, được ngân sách Nhà nước hỗ trợ 50% lãi suất tiền vay;

[Ký]

[Ký]

2. Các đối tượng khách hàng quy định tại khoản 3 Điều 1 Qui định này khi vay vốn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam để phát triển sản xuất nông nghiệp, đầu tư cơ sở chế biến, bảo quản và tiêu thụ nông sản được ngân sách Nhà nước hỗ trợ 50% lãi suất tiền vay;

3. Đối với các cơ sở chế biến nông, lâm, thuỷ sản thuộc các doanh nghiệp, hợp tác xã, trang trại đầu tư sản xuất, chế biến kinh doanh trên địa bàn 61 huyện nghèo được ngân sách Nhà nước hỗ trợ 50% lãi suất tiền vay.

Điều 3. Điều kiện được áp dụng chính sách hỗ trợ

1. Đối với hộ nghèo:

Các hộ nghèo được áp dụng chính sách hỗ trợ theo Quy định này khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Là hộ gia đình đang sinh sống và có hộ khẩu thường trú tại địa bàn các xã, thị trấn thuộc 61 huyện nghèo và phải có trong danh sách hộ nghèo được Chủ tịch UBND cấp xã quyết định theo chuẩn nghèo do Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội công bố, được Tổ tiết kiệm và vay vốn bình xét, chấp thuận phương án sử dụng vốn, lập thành danh sách có xác nhận của UBND cấp xã;

b) Chủ hộ (hoặc người được ủy quyền) có năng lực hành vi dân sự đầy đủ là người đại diện cho hộ gia đình trong quan hệ tín dụng với ngân hàng.

2. Đối với các đối tượng khách hàng khác:

Các hộ sản xuất, kinh doanh; doanh nghiệp; hợp tác xã; chủ trang trại được áp dụng chính sách hỗ trợ lãi suất khi vay vốn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam theo Quy định này khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh trên địa bàn 61 huyện nghèo;

b) Đáp ứng đủ điều kiện vay vốn theo quy định tại Quy chế cho vay của TCTD đối với khách hàng ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thủ tướng Chính phủ, các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan và Quy định cho vay đối với khách hàng trong hệ thống Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 72/QĐ-HĐQT-TD ngày 31/3/2002 của Hội đồng quản trị Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam.

Điều 4. Trách nhiệm của khách hàng và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam khi thực hiện chính sách cho vay hỗ trợ tại các huyện nghèo

1. Đối với khách hàng được cho vay hỗ trợ tại các huyện nghèo:

a) Sử dụng vốn vay đúng mục đích; nếu sử dụng vốn sai mục đích hỗ trợ, số tiền đã hỗ trợ sẽ bị thu hồi và bị xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành;

b) Thực hiện đúng các quy định của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam về quy trình, thủ tục và xác nhận trong việc thực hiện chính sách cho vay hỗ trợ các huyện nghèo.

2. Đối với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam.

2.1. Đối với các chi nhánh

a) Áp dụng cơ chế cho vay **thông thường** đối với các nhu cầu vay vốn thuộc đối tượng hỗ trợ lãi suất theo Quy định này.

b) Thực hiện việc hỗ trợ lãi suất theo đúng quy định, không được từ chối hỗ trợ lãi suất cho khách hàng đủ điều kiện hỗ trợ lãi suất; đảm bảo công khai, rõ ràng số tiền hỗ trợ lãi suất và chịu trách nhiệm trước pháp luật đối với các trường hợp hỗ trợ lãi suất hoặc từ chối hỗ trợ lãi suất không đúng quy định của pháp luật;

c) Thực hiện giảm trừ ngay số tiền hỗ trợ lãi suất đối với khách hàng khi khách hàng thanh toán lãi suất tiền vay cho ngân hàng và yêu cầu khách hàng xác nhận việc hỗ trợ lãi suất của ngân hàng; (theo mẫu 02A và 02B)

d) Định kỳ hàng tháng (chậm nhất là ngày 5 của tháng kế tiếp) các chi nhánh tổng hợp số liệu báo cáo tình hình cho vay ưu đãi lãi suất đối với các huyện nghèo của đơn vị mình (theo mẫu số 01A) gửi Trụ sở chính (Ban Tín dụng Hộ SX và cá nhân)

đ) Hồ sơ, thủ tục, quy trình đề nghị cấp bù lãi suất được thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính và hướng dẫn của NHNN&PTNT Việt Nam;

e) Các chi nhánh NHNN cho vay thực hiện kiểm tra chặt chẽ trước, trong và sau khi cho vay để đảm bảo việc ưu đãi lãi suất đúng quy định. Trường hợp phát hiện khách hàng sử dụng vốn không đúng mục đích được ưu đãi lãi suất thì thu hồi số tiền đã ưu đãi và xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật hiện hành;

Lưu giữ hồ sơ, theo dõi, thống kê kịp thời, chính xác các khoản cho vay ưu đãi lãi suất để phục vụ cho việc, báo cáo gửi Ngân hàng Nông nghiệp và

Ký
Số

Phát triển Nông thôn Việt Nam, chi nhánh Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trên địa bàn và kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2.2. Đối với Trụ sở chính

a/ Trụ sở chính (Ban Tài chính kế toán và Ngân quỹ) tổng hợp số liệu về tình hình ưu đãi lãi suất đối với các huyện nghèo của toàn hệ thống, báo cáo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và đề nghị Bộ Tài chính thực hiện cấp bù lãi suất cho NHNN&PTNT Việt Nam.

b) Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chịu trách nhiệm về tính hợp lệ và chính xác của các số liệu đề nghị ngân sách Nhà nước cấp bù.

Giám đốc Chi nhánh, cá nhân được giao nhiệm vụ cho vay ưu đãi lãi suất chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và pháp luật nếu thực hiện không đúng quy định của pháp luật và của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam

Điều 5. Tổ chức thực hiện

Tổng giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam hướng dẫn quy trình hạch toán, thống kê, báo cáo, kiểm tra các đối tượng cho vay được ưu đãi lãi suất theo Quy định này.

Điều 6. Điều khoản thi hành

Mọi sửa đổi, bổ sung Quy định này do Hội đồng quản trị Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam quyết định./.

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

Đỗ Tất Ngọc

NHNN PTNT Việt Nam

Tên chi nhánh:

Địa chỉ:

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 02B

GIẤY XÁC NHẬN HỖ TRỢ LÃI SUẤT

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-HDQT-TDHo, ngày /4/2009)
(Từ ngày/...../2009 đến ngày/...../2009)

Tên khách hàng:

Mã khách hàng:

Địa chỉ:

Người đại diện:

Chức vụ:

STT	Số hợp đồng tín dụng	Số hợp đồng giải ngân	Ngày giải ngân	Số tiền giải ngân	Thu lãi đến ngày	Lãi suất	Số lãi thực tính	Số lãi hỗ trợ
1								
2								
3								
4								
5								
6								
Tổng cộng								

(Tổng cộng số tiền lãi được hỗ trợ bằng chữ: ...))
... ngày ... tháng ... năm 20

Đại diện khách hàng vay
(ký tên và đóng dấu)

Giao dịch viên
(Ký và ghi rõ họ tên)

Trưởng phòng
(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký tên và đóng dấu)

*Ghi chú: - Đối với Tổ chức ký tên, đóng dấu; đối với Hộ gia đình, cá nhân ký và ghi rõ họ tên

- Trưởng phòng: Trưởng phòng Tín dụng (Kinh doanh) hoặc Trưởng phòng kế toán do Giám đốc nơi cho vay giao.

- Mẫu này áp dụng xác nhận hỗ trợ lãi suất nhiều lần trong ngày hoặc cuối quý (áp dụng đối với hộ nông dân)

Nguyễn Văn

Nguyễn Văn

Ngân hàng Nông nghiệp & PTNT Việt Nam
Chi nhánh:.....
Địa chỉ:.....

Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 02A

GIẤY XÁC NHẬN HỖ TRỢ LÃI SUẤT

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-HĐQT-TDHo, ngày /4/2009)

Tên khách hàng:.....
Địa chỉ:.....
Số hợp đồng:.....
Số giải ngân:.....
Ngày giải ngân:.....
Mục đích sử dụng vốn:.....
Tài khoản:.....
Ngày trả nợ:.....

Mã khách hàng:.....
Ngày ký kết hợp đồng:.....
Số tiền giải ngân:.....
Ngày đến hạn:.....
Đư nợ:.....
Số chứng từ thu nợ:.....

STT	Số gốc hoàn trả	Từ ngày	Đến ngày	Số ngày	Lãi suất	Số lãi thực tính	Lãi được hỗ trợ
Tổng cộng:							

(Tổng cộng số tiền lãi được hỗ trợ bằng chữ:.....)

Ngày..... tháng..... năm 20...

Đại diện khách hàng vay
(Ký tên và đóng dấu)

Giao dịch viên
(Ký và ghi rõ họ tên)

Trưởng phòng
(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký tên và đóng dấu)

- Ghi chú: - Đối với Tổ chức ký tên, đóng dấu; đối với Hộ gia đình, cá nhân ký ghi rõ họ và tên.
- Trưởng phòng: Trưởng phòng Tín dụng (Kinh doanh) hoặc Trưởng phòng kế toán do Giám đốc nơi cho vay giao.
- Mẫu này áp dụng xác nhận hỗ trợ lãi suất từng lần khi khách hàng trả lãi.

[Signature]

[Signature]

**DANH SÁCH 61 HUYỆN NGHÈO ĐƯỢC HƯỚNG CHÍNH SÁCH
ƯU ĐÃI LÃI SUẤT THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 30a/2008/NQ-CP
CỦA CHÍNH PHỦ.**

STT	Tên tỉnh	Số huyện	Tên huyện
1	Hà Giang	6	Đồng Văn, Mèo Vạc, Quảng Bạ, Yên Minh, Xín Mần, Hoàng Su Phì
2	Cao Bằng	5	Thông Nông, Bảo Lâm, Hà Quảng, Bảo Lạc, Hạ Lang
3	Lào Cai	3	Si Ma Cai, Mường Khương, Bắc Hà
4	Yên Bái	2	Mù Căng Chải, Trạm Tấu
5	Phú Thọ	1	Tân Sơn
6	Bắc Kạn	2	Ba Bể, Pắc Nặm
7	Bắc Giang	1	Sơn Động
8	Sơn La	5	Mường La, Bắc Yên, Phù Yên, Quỳnh Nhai, Sốp Cộp
9	Lai Châu	4	Sìn Hồ, Mường Tè, Phong Thổ, Than Uyên
10	Điện Biên	4	Tủa Chùa, Mường Áng, Mường Nhé, Điện Biên Đông
11	Thanh Hoá	7	Lang Chánh, Thường Xuân, Quan Hoá, Quan Sơn, Mường Lát, Như Xuân, Bá Thước
12	Nghệ An	3	Quế Phong, Tương Dương, Kỳ Sơn
13	Quảng Bình	1	Minh Hoá
14	Quảng Trị	1	Đa Krông
15	Quảng Nam	3	Nam Trà My, Tây Giang, Phước Sơn
16	Quảng Ngãi	6	Sơn Hà, Trà Bồng, Sơn Tây, Minh Long, Tây Trà, Ba Tơ
17	Bình Định	3	An Lão, Vĩnh Thạnh, Vân Canh
18	Ninh Thuận	1	Bắc Ái
19	Lâm Đồng	1	Đam Rông
20	Kon Tum	2	Kon Plong, Tu Mơ Rông